



**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT  
NHẬP KHẨU ĐÔNG DƯƠNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2015  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

## MỤC LỤC

STT	Nội dung	Trang
1	<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	1 – 2
2	<b>Báo cáo kiểm toán</b>	3 – 4
3	<b>Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán</b>	
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>	5 – 6
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	7
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</i>	8
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất</i>	9 – 29

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Nhóm Công ty TNHH Đầu tư công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương) và công ty con (sau đây gọi tắt là “Nhóm Công ty”) trình bày báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

### **KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương (gọi tắt là “Công ty”), được chuyển đổi từ Công ty TNHH hai thành viên: Công ty TNHH Đầu tư công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương, thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27/04/2010, đăng ký thay đổi lần thứ hai một (21) ngày 09/9/2016. Theo đó:

Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU ĐÔNG DƯƠNG  
Tên giao dịch : INDOCHINE IMPORT EXPORT INVESTMENT INDUSTRIAL JOINT STOCK COMPANY  
Trụ sở : 3A Đồng Nai, phường 2, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh  
Vốn điều lệ : 120.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ đồng)  
Liên hệ : Điện thoại: +84 (08) 3848 9466 – 3547 2357 | Fax: +84 (08) 3848 6552

Công ty con: Công ty TNHH Đầu tư phát triển năng lượng Đại Dương.

Lĩnh vực hoạt động: Thương mại và dịch vụ. Vốn điều lệ: 5.000.000.000đ. Vốn đầu tư của Công ty Cổ phần Đầu tư công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương là 4.000.000.000đ, chiếm 80% vốn Điều lệ.

Trụ sở: Số 04 Đồng Nai, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ**

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 lỗ chủ yếu là do trong năm Công ty mẹ đầu tư thêm tài sản cố định là các lò hơi bằng nguồn vốn đi vay (thuê tài chính) dẫn đến chi phí lãi vay phát sinh tăng 112% so với năm 2014. Bên cạnh đó, các tài sản mới đầu tư do đưa vào hoạt động từ giữa năm đến cuối năm nên chưa thể khai thác hết công suất.

Sau ngày kết thúc năm tài chính, Công ty chuyển đổi mô hình hoạt động từ Công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty cổ phần và tăng vốn điều lệ từ 80 tỷ đồng lên 120 tỷ đồng. Các quyền và nghĩa vụ được chuyển từ Công ty TNHH Đầu tư công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương sang Công ty Cổ phần Đầu tư công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC TẠI NGÀY LẬP BÁO CÁO**

#### **Các thành viên Hội đồng Quản trị**

Bà Trần Kim Sa	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Thanh Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Quốc	Thành viên
Ông Trần Kim Cương	Thành viên
Bà Tạ Thị Ngọc Thảo	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Bà Trần Kim Sa

Giám đốc

Ông Nguyễn Trung Quốc

Phó Giám đốc

Ông Trần Kim Cương

Phó Giám đốc

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được Hội đồng quản trị lựa chọn thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất năm cho Công ty TNHH Đầu tư công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Nhóm Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Nhóm Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Giám đốc Nhóm Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Nhóm Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**TỔNG BAN GIÁM ĐỐC**



**TRẦN KIM SA**

Giám đốc

Số: 1781/2015/NV6/BCKT-TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2015 kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty TNHH Đầu tư công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương

**Kính gửi:**

**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

**Công ty Cổ phần Đầu tư công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của Công ty TNHH Đầu tư công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương, nay là Công ty Cổ phần Đầu tư công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 15/10/2016 và trình bày từ trang 05 đến trang 29 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Nhóm Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Nhóm Công ty tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Theo thuyết minh số 8 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, khoản cho Ông Trần Kim Cương, Phó Giám đốc Công ty vay bằng tiền mặt với lãi suất 0%/năm đã được các cổ đông Công ty thông qua, trong khi Công ty đang phải đi vay.

## Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 do Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương lập chưa được kiểm toán độc lập. Khi thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất năm nay, chúng tôi đã thực hiện việc soát xét lại số dư đầu năm theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 510 về kiểm toán năm đầu tiên để đảm bảo các số dư này không có các sai sót trọng yếu cũng như các chính sách kế toán liên quan đến số dư đầu năm được áp dụng nhất quán và đảm bảo nguyên tắc có thể so sánh với năm nay mà không đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2014 kết thúc ngày 31/12/2014.

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**



Nguyễn Bảo Trung  
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0373-2014-126-1

Lưu Quốc Thái  
Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0155-2014-126-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>95.200.323.977</b>	<b>68.178.967.637</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>3.798.063.746</b>	<b>6.656.949.201</b>
Tiền	111	5	3.798.063.746	6.656.949.201
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>29.841.802.554</b>	<b>37.397.854.862</b>
Phải thu của khách hàng	131	6	9.099.031.545	27.534.404.837
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	4.570.846.870	5.452.989.043
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	16.574.747.560	4.410.460.982
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(402.823.421)	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>54.841.981.689</b>	<b>21.537.329.977</b>
Hàng tồn kho	141	9	54.841.981.689	21.537.329.977
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.718.475.988</b>	<b>2.586.833.597</b>
Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.702.658.688	2.568.164.580
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	15.817.300	18.669.017
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>118.501.334.139</b>	<b>59.943.065.581</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>4.507.357.250</b>	<b>2.665.357.250</b>
Phải thu dài hạn khác	216	10	4.507.357.250	2.665.357.250
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>111.823.767.836</b>	<b>55.776.731.373</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	36.474.820.886	41.962.649.293
- Nguyên giá	222		47.566.737.900	47.674.567.057
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.091.917.014)	(5.711.917.764)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	75.348.946.950	13.814.082.080
- Nguyên giá	225		80.959.773.690	14.692.057.728
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(5.610.826.740)	(877.975.648)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>576.292.380</b>	<b>663.687.383</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		576.292.380	663.687.383
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.593.916.673</b>	<b>837.289.575</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		1.593.916.673	837.289.575
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>213.701.658.116</b>	<b>128.122.033.218</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>163.847.286.385</b>	<b>80.878.502.192</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>119.667.593.328</b>	<b>58.029.000.199</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	72.220.241.850	30.868.970.521
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	6.168.550.480	6.197.929.204
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	71.384.412	9.359.769
Phải trả công nhân viên	314		894.421.886	1.091.795.130
Phải trả ngắn hạn khác	319		779.526.034	203.037.240
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	39.533.468.666	19.657.908.335
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>44.179.693.057</b>	<b>22.849.501.993</b>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	44.179.693.057	22.849.501.993
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>49.854.371.731</b>	<b>47.243.531.026</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>49.854.371.731</b>	<b>47.243.531.026</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411	17	52.870.000.000	50.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	421	17	(4.015.784.849)	(3.755.572.774)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(3.756.625.554)	(3.755.572.774)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(259.159.295)	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.000.156.580	999.103.800
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>213.701.658.116</b>	<b>128.122.033.218</b>

Kế toán trưởng

Ngô Hoàng Yên

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

Giám đốc



Trần Kim Sa



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	180.821.066.632	142.381.768.569
Các khoản giảm trừ	02		569.465.081	379.821.603
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		180.251.601.551	142.001.946.966
Giá vốn hàng bán	11	19	163.801.683.322	132.495.834.636
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.449.918.229	9.506.112.330
Doanh thu hoạt động tài chính	21		138.728.309	2.748.089
Chi phí tài chính	22	20	8.715.860.191	4.049.505.690
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.715.860.191	4.049.505.690
Chi phí bán hàng	25		1.036.986.875	793.598.707
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	7.057.699.153	5.386.675.006
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(221.899.681)	(720.918.984)
Thu nhập khác	31	22	8.732.606.000	15.509.580.675
Chi phí khác	32	23	8.671.829.684	14.798.638.947
Lợi nhuận khác	40		60.776.316	710.941.728
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(161.123.365)	(9.977.256)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	98.035.930	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(259.159.295)	(9.977.256)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61		1.052.780	(896.200)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		(260.212.075)	(9.081.056)

Kế toán trưởng

Ngô Hoàng Yến

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

Giám đốc



Trần Kim Sa

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 Theo phương pháp trực tiếp  
 Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		213.439.391.908	83.155.786.158
Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(181.212.305.221)	(51.956.020.668)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(11.186.060.043)	(7.485.332.148)
Tiền chi trả lãi vay	04		(8.715.860.191)	(3.650.059.600)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(10.000.000)	(38.087.667)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		40.723.082.300	168.796.896.125
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(46.911.395.400)	(152.237.964.171)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>6.126.853.353</b>	<b>36.585.218.029</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	12	(6.973.088.010)	(33.400.000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn	22		6.150.000.000	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	4.721.307.800
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(4.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(823.088.010)</b>	<b>687.907.800</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		2.870.000.000	5.000.000.000
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		60.811.500.000	13.770.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(64.665.704.323)	(50.301.324.347)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(7.178.446.475)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(8.162.650.798)</b>	<b>(31.531.324.347)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(2.858.885.455)</b>	<b>5.741.801.482</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>6.656.949.201</b>	<b>915.147.719</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>3.798.063.746</b>	<b>6.656.949.201</b>

Kế toán trưởng

Ngô Hoàng Yến

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

Giám đốc



Trần Kim Sa

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 1. Thông tin tổng quát

Công ty Cổ phần Đầu tư công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương (gọi tắt là “Công ty”), được chuyển đổi từ Công ty TNHH hai thành viên: Công ty TNHH Đầu tư công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương, thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27/04/2010, đăng ký thay đổi lần thứ hai một (21) ngày 09/9/2016. Theo đó:

Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU ĐÔNG DƯƠNG  
Tên giao dịch : INDOCHINE IMPORT EXPORT INVESTMENT INDUSTRIAL JOINT STOCK COMPANY  
Trụ sở : 3A Đồng Nai, phường 2, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh  
Vốn điều lệ : 120.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ đồng)

**Người đại diện theo pháp luật của Công ty:** Bà Trần Kim Sa - Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc.

Cơ cấu vốn điều lệ:

Thành viên góp vốn	Vốn góp theo đăng ký (VND)	Tỷ lệ (%)
- Nguyễn Thanh Quang	48.000.000.000	40%
- Trần Kim Sa	48.000.000.000	40%
- Trần Ngọc Phụng	24.000.000.000	20%
<b>Cộng</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**Công ty con:** Công ty TNHH Đầu tư phát triển năng lượng Đại Dương

Số 04 Đồng Nai, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ của công ty con: 5.000.000.000đ. Tỷ lệ sở hữu trong công ty con 80% vốn điều lệ

### Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 21 ngày 09/9/2016 ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

Thu gom rác thải độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn mùn cưa, tro trấu, bã mía; Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm); Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống ...

### Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số 03 kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo

tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Tuy nhiên, việc áp dụng các thông tư này không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất.

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất và kỳ kế toán**

### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12

## **3. Áp dụng hướng dẫn kế toán mới**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

## **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

### **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Nhóm Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung trên máy vi tính.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến luồng tiền).

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm năng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được từ lợi ích từ hoạt động các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con đều được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### **Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, nợ phải trả và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con, bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thu thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp

11/12/2015  
H KI

vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Nếu sau ngày kiểm soát công ty con, công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào công ty con, công ty mẹ phải xác định giá phí khoản đầu tư thêm và phần sở hữu tăng thêm trong giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con (không tính theo giá trị hợp lý như tại ngày mua). Khoản chênh lệch giữa các giá phí đầu tư thêm và giá trị ghi sổ tài sản thuần được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (như giao dịch giữa các cổ đông nội bộ).

Lợi thế thương mại phát sinh tại ngày công ty mẹ đạt được quyền kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo quy định hiện hành. Trường hợp giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất trong năm cao hơn giá trị phân bổ hàng năm theo phương pháp đường thẳng thì thực hiện phân bổ theo giá trị bị tổn thất.

Khi thoái vốn tại công ty con thì giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được ghi giảm tương ứng với tỷ lệ vốn bị thoái và tính vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong trường hợp công ty mẹ vẫn nắm giữ quyền kiểm soát đối với công ty con hoặc được ghi giảm toàn bộ và tính vào khoản lãi/lỗ trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong trường hợp công ty mẹ mất quyền kiểm soát.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

##### ***Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ***

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính. Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

##### ***Tiền và các khoản tương đương tiền***

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ là tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh do các công trình có khối lượng dở dang cuối kỳ (hoặc chưa ghi nhận doanh thu trong kỳ), và được xác định dựa vào khối lượng dở dang được kiểm kê tại thời điểm 31/12/2015 do Công ty lập và tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty.

### Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

#### *Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:*

	Mức trích lập dự phòng
Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30% giá trị
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50% giá trị
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70% giá trị
Từ 3 năm trở lên	100% giá trị

### Nợ phải thu khác

Đối với khoản thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

### Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
Máy móc và thiết bị	05 – 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

#### **Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm: Quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính, bản quyền phần mềm và tài sản cố định vô hình khác.

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí thuê các nhà thầu xây dựng, lắp đặt và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chế độ kế toán hiện hành.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt.

#### **Chi phí đi vay**

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại Chuẩn mực kế toán số 16 “Chi phí đi vay”.

#### **Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm máy móc, thiết bị và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí trả trước liên quan đến máy móc, thiết bị bao gồm giá trị còn lại của các máy may và thiết bị có nguyên giá nhỏ hơn 30 triệu VND được phân loại từ tài sản cố định sang trong năm 2013 và mua mới từ năm 2014 trở đi. Giá trị máy móc, thiết bị này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo quy định hiện hành trong thời gian tối đa không quá 24 tháng.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng. Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.



### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hoạt động gia công được ghi nhận khi sản phẩm gia công hoàn thành và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu sẽ không được ghi nhận nếu có sự không chắc chắn trọng yếu liên quan đến việc khách hàng chấp nhận sản phẩm gia công.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi

các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### **Tài sản tài chính**

#### **Phân loại tài sản tài chính**

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Nhóm Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

#### **Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính**

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

#### **Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ toàn bộ nghĩa vụ.

#### **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng Cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

Công cụ tài chính được ghi nhận theo hướng dẫn tại Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính – “Hướng dẫn Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính”.

#### **Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất: Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính hợp nhất do Nhóm Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

Ước tính kế toán: Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đơn vị tính: đồng

**5 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
- Tiền mặt tại quỹ	1.970.470.183	5.312.486.066
- Tiền gửi ngân hàng	1.827.593.563	1.344.463.135
<b>Cộng</b>	<b><u>3.798.063.746</u></b>	<b><u>6.656.949.201</u></b>

**6 . Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
- Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Thăng Lợi	3.499.936.000	6.416.666.237
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Kiến Vàng	192.940.000	6.003.888.000
- Công ty TNHH XNK TM Đầu Tư Công Nghiệp Lưỡng Hiệp	223.760.000	2.884.747.200
- Công ty TNHH Mai Vĩnh	620.660.369	1.844.322.642
- Công ty Cổ Phần Tôn Đông Á	1.241.509.991	920.591.570
- Công ty TNHH Giấy Yuen Foong Yu Việt Nam	702.791.153	1.086.771.347
- Công ty TNHH Nhà Máy Bia Việt Nam (VBL)	1.636.253.973	-
- Các đối tượng khác	981.180.059	8.377.417.841
<b>Cộng</b>	<b><u>9.099.031.545</u></b>	<b><u>27.534.404.837</u></b>

**7 . Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
- Công ty Cổ Phần Đông Phương P.A.T	770.000.000	440.000.000
- Công ty TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai	126.567.196	-
- Công ty Cổ Phần Công Nghệ Môi Trường PST	124.691.300	65.627.000
- Công ty TNHH Nguyễn Lê Minh	104.286.250	100.661.720
- Trung Tâm Từ Vấn Và Dịch Vụ Tài Nguyên Và Môi Trường	48.950.000	48.950.000
- Các đối tượng khác	3.396.352.124	4.797.750.323
<b>Cộng</b>	<b><u>4.570.846.870</u></b>	<b><u>5.452.989.043</u></b>

**8 . Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
- Cho ông Trần Kim Cương vay	8.000.000.000	-
- Cho ông Lê Nguyễn Ngọc Trường Ân vay	4.500.000.000	-
- Tạm ứng nhân viên	-	3.500.000.000
- Thuế GTGT của Tài sản thuê tài chính	3.942.804.036	-
- Phải thu khác	131.943.524	910.460.982
<b>Cộng</b>	<b><u>16.574.747.560</u></b>	<b><u>4.410.460.982</u></b>

Cho Ông Trần Kim Cương vay theo Nghị quyết số 004 ngày 31/12/2015 của Hội đồng thành viên. Thời gian vay: 1 năm (từ ngày 31/12/2015 đến 31/12/2016). Lãi suất cho vay: 0%/năm.

Cho Ông Lê Nguyễn Ngọc Trường Ân (chức vụ Giám đốc) vay theo hợp đồng vay 1/12/2015. Thời gian vay: 2 tháng (từ ngày 1/12/2015 đến 31/1/2016). Lãi suất cho vay: 0,5%/tháng.

**9 . Hàng tồn kho**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
- Nguyên liệu vật liệu	47.908.084.229	15.872.008.046
- Công cụ, dụng cụ	40.491.819	36.134.545
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ngắn hạn	1.023.840.208	474.337.059
- Thành phẩm	876.527.245	876.527.245
- Hàng hóa	4.993.038.188	4.278.323.082
<b>Cộng</b>	<u><b>54.841.981.689</b></u>	<u><b>21.537.329.977</b></u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được</b>	<u><b>54.841.981.689</b></u>	<u><b>21.537.329.977</b></u>

**10 . Phải thu dài hạn khác**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
- Ký quỹ dài hạn thuê tài chính	4.507.357.250	2.665.357.250
<b>Cộng</b>	<u><b>4.507.357.250</b></u>	<u><b>2.665.357.250</b></u>

## 11. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>				
Số dư đầu năm	5.197.033.196	42.214.558.406	262.975.455	47.674.567.057
- Mua trong kỳ	1.415.310.050	5.032.127.317	525.650.643	6.973.088.010
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	132.168.833	2.378.514.000	-	2.510.682.833
- Thanh lý, nhượng bán	-	(9.591.600.000)	-	(9.591.600.000)
Số dư cuối năm	6.744.512.079	40.033.599.723	788.626.098	47.566.737.900
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	364.796.331	5.222.441.373	124.680.060	5.711.917.764
- Khấu hao trong kỳ	590.196.192	5.579.966.459	129.606.915	6.299.769.566
- Thanh lý, nhượng bán	-	(919.770.316)	-	(919.770.316)
Số dư cuối năm	954.992.523	9.882.637.516	254.286.975	11.091.917.014
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	4.832.236.865	36.992.117.033	138.295.395	41.962.649.293
Tại ngày cuối năm	5.789.519.556	30.150.962.207	534.339.123	36.474.820.886

**12 . Tài sản cố định thuê tài chính**

Khoản mục	Mức thiết bị	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>		
Số dư đầu năm	14.692.057.728	14.692.057.728
- Thuê tài chính	66.267.715.962	66.267.715.962
Số dư cuối năm	80.959.773.690	80.959.773.690
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	877.975.648	877.975.648
- Khấu hao trong kỳ	4.732.851.092	4.732.851.092
Số dư cuối kỳ	5.610.826.740	5.610.826.740
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	13.814.082.080	13.814.082.080
Tại ngày cuối năm	75.348.946.950	75.348.946.950

Tài sản thuê tài chính được tài trợ bằng nợ thuê tài chính và không được ghi nhận lên dòng tiền đầu tư tài sản cố định cũng như dòng tiền tăng thuê tài chính.

**13 . Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2015	31/12/2014
- Công ty TNHH Đầu Tư Công Nghiệp Đông Thành	38.575.908.558	14.087.842.112
- Công ty TNHH Xây Dựng Và Cơ Khí An Thái	19.737.878.254	9.508.784.560
- Công ty TNHH Đầu Tư Công Nông Nghiệp Miền Nam	12.039.962.600	-
- Công ty TNHH Sam Chem Quả Cầu	417.853.000	-
- Công ty TNHH Ktck Năng Lượng Môi Trường Đại Phát	396.637.000	946.637.000
- Các đối tượng khác	1.052.002.438	6.325.706.849
<b>Cộng</b>	<b>72.220.241.850</b>	<b>30.868.970.521</b>

**14 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2015	31/12/2014
- Công ty TNHH Tín Điền	5.597.929.204	5.597.929.204
- Công ty TNHH Thương mại Hyundai Việt Nam	253.808.624	-
- Công ty TNHH MTV Sản Xuất Thương Mại Linh Hương	205.756.100	-
- Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nhật Nam	111.056.552	500.000.000
- Các đối tượng khác	-	100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>6.168.550.480</b>	<b>6.197.929.204</b>

**15 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	31/12/2015	Phải nộp	Đã nộp/Bù trừ	31/12/2014
	Phải nộp (Phải thu)			Phải nộp (Phải thu)
Thuế giá trị gia tăng	-	18.291.320.764	18.291.320.764	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	69.366.913	98.035.930	10.000.000	(18.669.017)
Thuế thu nhập cá nhân	(15.817.300)	11.277.030	34.436.600	7.342.270
Thuế tài nguyên	-	7.000.000	7.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.017.499	-	-	2.017.499
<b>Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước</b>	<b>15.817.300</b>			<b>18.669.017</b>
<b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>71.384.412</b>			<b>9.359.769</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**16 . Vay và nợ tài chính**

	31/12/2015	Tăng	Giảm	31/12/2014
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	39.533.468.666	26.873.880.331	6.998.320.000	19.657.908.335
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	44.179.693.057	107.160.467.906	85.830.276.842	22.849.501.993
<b>Tổng</b>	<b>83.713.161.723</b>	<b>134.034.348.237</b>	<b>92.828.596.842</b>	<b>42.507.410.328</b>





	Lãi/năm (%)		Thời hạn thanh toán	Hình thức bảo đảm
	31/12/2015	31/12/2014		
<b>16. Vay và nợ thuê tài chính</b>				
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>				
<i>Vay ngắn hạn</i>	<b>21.245.000.000</b>	<b>7.608.320.000</b>		
Vay ngắn hạn - NH AGRIBANK	14.290.000.000	5.675.000.000	21-05-16	Lò hơi 7,5 tấn Tồn Đông Á
Vay - NH ACB ÔNG ÍCH KHIÊM	2.300.000.000	1.333.320.000	21-06-16	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhà ở của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc
Vay - NH VIETTINBANK	1.990.000.000	-	06-05-16	Tài sản của Hội đồng quản trị
Vay - CÁ NHÂN	-	600.000.000	-	-
Vay - NH AN BÌNH - CN BẾN THÀNH	2.665.000.000	-	25-03-16	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhà ở của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>18.288.468.666</b>	<b>12.049.588.335</b>		
Vay dài hạn - NH AGRIBANK	4.740.788.000	2.650.876.323	12,0	
Nợ thuê tài chính - CHAILESE	665.586.658	798.704.004	11,5	
Nợ thuê tài chính - ACB (NH Á CHÁU)	4.949.394.000	-	10,5	
Nợ thuê tài chính - VIETCOMBANK	1.787.500.008	1.625.000.008	10,8	
Nợ thuê tài chính - VIETTINBANK	6.145.200.000	-	10,5	
Vay - NH ĐÔNG Á	-	2.100.000.000	8,5	
Vay - NH VPBANK	-	4.875.008.000	8,5	
<b>Cộng</b>	<b>39.533.468.666</b>	<b>19.657.908.335</b>		
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>				
Vay - NH AGRIBANK	5.058.335.677	17.664.123.677	12,0	Hệ thống lò hơi Mai Vĩnh
Nợ thuê tài chính - CHAILESE	-	665.586.658	11,5	Lò hơi Biomax 2T Savinex
Nợ thuê tài chính - ACB (NH Á CHÁU)	7.316.865.730	-	10,5	Hệ thống lò hơi Linh Hương
Nợ thuê tài chính - VIETCOMBANK	2.732.291.650	4.519.791.658	10,8	Lò hơi Sinh Thành& Đồng Nguyễn
Nợ thuê tài chính - VIETTINBANK	29.072.200.000	-	10,5	Lò hơi Phước Hòa& Heineken (VBL)
<b>Cộng</b>	<b>44.179.693.057</b>	<b>22.849.501.993</b>		

**17. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>(3.746.491.718)</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>47.253.508.282</b>
Lợi nhuận sau thuế năm trước	-	(9.081.056)	(896.200)	(9.977.256)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>(3.755.572.774)</b>	<b>999.103.800</b>	<b>47.243.531.026</b>
Tăng vốn trong năm nay	2.870.000.000	-	-	2.870.000.000
Lợi nhuận sau thuế năm nay	-	(260.212.075)	1.052.780	(259.159.295)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>52.870.000.000</b>	<b>(4.015.784.849)</b>	<b>1.000.156.580</b>	<b>49.854.371.731</b>

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Vốn thực góp	Tỷ lệ	Vốn thực góp	Tỷ lệ
- Nguyễn Thanh Quang	17.500.000.000	33,10%	17.500.000.000	35,00%
- Trần Kim Sa	20.370.000.000	38,53%	17.500.000.000	35,00%
- Trần Ngọc Phụng	15.000.000.000	28,37%	15.000.000.000	30,00%
<b>Cộng</b>	<b>52.870.000.000</b>		<b>50.000.000.000</b>	

**18 . Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2015	Năm 2014
- Doanh thu bán hàng	124.263.710.260	105.412.904.517
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	56.557.356.372	36.968.864.052
<b>Cộng</b>	<b>180.821.066.632</b>	<b>142.381.768.569</b>

**19 . Giá vốn hàng bán**

	Năm 2015	Năm 2014
- Giá vốn hàng bán	122.790.180.212	106.001.651.133
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	41.011.503.110	26.494.183.503
<b>Cộng</b>	<b>163.801.683.322</b>	<b>132.495.834.636</b>

**20 . Chi phí tài chính**

	Năm 2015	Năm 2014
- Chi phí lãi vay	8.715.860.191	4.049.505.690
<b>Cộng</b>	<b>8.715.860.191</b>	<b>4.049.505.690</b>

**21 . Chi phí quản lý**

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nhân viên quản lý	4.778.101.435	4.185.193.724
Chi phí vật liệu quản lý	115.208.264	280.511.583
Chi phí đồ dùng văn phòng	132.876.543	136.015.485
Chi phí khấu hao TSCĐ	122.562.187	7.993.860
Thuế, phí và lệ phí	3.051.998	29.290.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.108.291.355	605.645.534
Chi phí bằng tiền khác	797.607.371	142.024.820
<b>Cộng</b>	<b>7.057.699.153</b>	<b>5.386.675.006</b>

**22 . Thu nhập khác**

	Năm 2015	Năm 2014
Thu nhập khác từ thanh lý tài sản cố định	8.732.606.000	15.509.580.675
<b>Cộng</b>	<b>8.732.606.000</b>	<b>15.509.580.675</b>

**23 . Chi phí khác**

	Năm 2015	Năm 2014
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	8.671.829.684	14.772.710.750
- Chi phí phạt thuế	-	14.103.197
- Chi phí khác	-	11.825.000
<b>Cộng</b>	<b>8.671.829.684</b>	<b>14.798.638.947</b>

74  
T  
H  
Ư  
V  
A  
P  
N  
H  
V  
A

**24 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận trước thuế TNDN	(161.123.365)	(9.977.256)
Lợi nhuận công ty con được bù trừ với lỗ năm trước	(5.263.900)	-
Chi phí không được khấu trừ TNDN	612.005.127	-
Lợi nhuận tính thuế TNDN	445.617.862	(9.977.256)
Thuế suất thuế TNDN	22,0%	22,0%
Thuế TNDN phải nộp	98.035.930	-

**25 . Công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.798.063.746	6.656.949.201
Phải thu khách hàng	9.099.031.545	27.534.404.837
Phải thu khác	16.574.747.560	910.460.982
Các khoản đầu tư tài chính	-	-
<b>Cộng</b>	<b>29.471.842.851</b>	<b>35.101.815.020</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán	72.220.241.850	30.868.970.521
Phải trả khác	206.795.065	-
Các khoản vay ngắn hạn	39.533.468.666	19.657.908.335
Các khoản vay dài hạn	44.179.693.057	22.849.501.993
<b>Cộng</b>	<b>156.140.198.638</b>	<b>73.376.380.849</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Nhóm Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Nhóm Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

**26. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Nhóm Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khách hàng**

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Nhóm Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy định kiểm soát của Nhóm Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với khách hàng lớn.

**Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Nhóm Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Nhóm Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**27. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Nhóm Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 đến 05 năm	Cộng
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>			
Phải trả người bán	72.220.241.850	-	72.220.241.850
Phải trả khác	206.795.065	-	206.795.065
Các khoản vay và nợ tài chính	39.533.468.666	44.179.693.057	83.713.161.723
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>			
Phải trả người bán	30.868.970.521	-	30.868.970.521
Các khoản vay và nợ tài chính	19.657.908.335	22.849.501.993	42.507.410.328

Nhóm Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Nhóm Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**28. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường chủ yếu bao gồm 02 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ (USD).

Nhóm Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Nhóm Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Nhóm Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

#### **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định các chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Nhóm Công ty.

#### **29. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **30. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Nhóm Công ty đã áp dụng Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202"), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên Bảng cân đối kế toán đã được phân loại lại phù hợp với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

**Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC**

Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014
<b>TÀI SẢN</b>		
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	33.897.854.862
<i>Các khoản phải thu khác</i>	<i>135</i>	<i>910.460.982</i>
Tài sản ngắn hạn khác	150	6.086.833.597
<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>158</i>	<i>3.500.000.000</i>
<b>NGUỒN VỐN</b>		
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(3.755.572.774)

**Theo TT202/2014/TT-BTC**

Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014
<b>TÀI SẢN</b>		
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	37.397.854.862
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>136</i>	<i>4.410.460.982 (i)</i>
Tài sản ngắn hạn khác	150	2.586.833.597
<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>155</i>	<i>- (ii)</i>
<b>NGUỒN VỐN</b>		
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(3.755.572.774)
<i>- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>	<i>(3.755.572.774) (iii)</i>
<i>- LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>	<i>-</i>

- (i) Phân loại lại và đổi tên
- (ii) Phân loại lại
- (iii) Bổ sung thêm chỉ tiêu

Kế toán trưởng

Ngô Hoàng Yến

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

Giám đốc



Trần Kim Sa